

Số: /GPMT-SNNMT

Tây Ninh, ngày 16 tháng 01 năm 2026

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 151/CVMT-DVN ngày 06/01/2026 của Doanh nghiệp tư nhân Dương Văn Nghĩa và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Môi trường và Biến đổi khí hậu tại Tờ trình số 77/TTr-MTBĐKH ngày 16/01/2026.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Doanh nghiệp tư nhân Dương Văn Nghĩa, địa chỉ tại Hương lộ 16, ấp Chánh, xã Mỹ Yên, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Lò giết mổ heo gia công” với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Lò giết mổ heo gia công.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thửa đất số 364 và 648, tờ bản đồ số 11, Hương lộ 16, xã Bình Đức, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Doanh nghiệp Tư nhân, mã số doanh nghiệp 1100566062 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long

An (nay là Sở Tài Chính tỉnh Tây Ninh) cấp đăng ký lần đầu ngày 25/12/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/12/2024.

1.4. Mã số thuế: 1100566062.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Giết mổ gia súc (heo).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.6.1. Phạm vi: Thửa đất số 364 và 648, tờ bản đồ số 11, Hương lộ 16, xã Bình Đức, tỉnh Tây Ninh với tổng diện tích là 13.944 m<sup>2</sup> (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 850069 (số vào sổ cấp GCN: CT50562) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh) cấp ngày 07/3/2019 và số vào sổ cấp GCN: CH07078 do Ủy ban Nhân dân huyện Bến Lức cấp ngày 23/7/2015).

1.6.2. Quy mô:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Dự án có tiêu chí phân loại dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

1.6.3. Công suất sản xuất: 400 con heo/ngày.

1.6.4. Quy trình công nghệ sản xuất: Heo sống → Treo và gầy mề → Chọc tiết → Đánh lông → Làm sạch → Mổ bụng, tách lòng → Pha cắt → Thành phẩm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Doanh nghiệp tư nhân Dương Văn Nghĩa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Doanh nghiệp tư nhân Dương Văn Nghĩa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu

tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày **15 tháng 01 năm 2036**).

**Điều 4.** Giao Chi cục Môi trường và Biên đội khí hậu tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Lò giết mổ heo gia công” của Doanh nghiệp tư nhân Dương Văn Nghĩa được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Sở xây dựng;
- UBND xã Bình Đức;
- DNTN Dương Văn Nghĩa;
- Trang Thông tin điện tử của Sở;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, MTBĐKH

**GIÁM ĐỐC**

**Võ Minh Thành**

## **Phụ lục 1**

# **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI** (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT- SNNMT ngày 16/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

## **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

### **1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh được bố trí trong khuôn viên dự án.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động giết mổ.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh heo, chuồng trại.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh khu vực giết mổ.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ quá trình xả đáy, vệ sinh lò hơi.
- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc hệ thống xử lý nước cấp lò hơi.

### **2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

#### **2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:**

Hồ ga giám sát nước thải, tiếp tục dẫn ra ao chứa nước và sau đó xả thải ra ra nguồn tiếp nhận là sông Bắc Tân tiếp giáp phía Đông dự án.

#### **2.2. Vị trí xả nước thải:**

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý (HTXL) nước thải với công suất thiết kế 300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Vị trí xả nước thải: Sông Bắc Tân tại thửa đất số 364 và 648, tờ bản đồ số 11, Hương lộ 16, xã Bình Đức, tỉnh Tây Ninh.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 1173309; Y= 0577799 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).

#### **2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.**

##### **2.2.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau xử lý sẽ theo đường ống PVC D200mm dẫn ra hồ ga giám sát nước thải của dự án (hồ ga có nắp đậy trên nắp có lắp đặt móc sắt thuận tiện cho việc mở nắp ga lấy mẫu nước thải), tiếp tục chảy theo đường ống PVC D200mm thoát ra ao chứa nước của dự án và sau đó xả ra nguồn tiếp nhận là sông Bắc Tân tiếp giáp Đông dự án tại 01 vị trí xả thải.

- Điểm xả nước thải sau xử lý (hồ ga giám sát nước thải) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận; có bố trí biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

- Hình thức xả: Bơm, tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

2.2.2. *Chế độ xả nước thải*: Nước thải sau xử lý được xả ra môi trường bên ngoài, xả liên tục.

2.2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận tại dự án đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62:2025/BTNMT, Cột A - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	6 - 9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	≤ 40		
3	COD	mg/l	≤ 65		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	≤ 40		
5	Tổng Nitơ	mg/l	≤ 20		
6	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	≤ 4,0		
7	Coliform	MPN/100ml	≤ 3.000		

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thu gom, thoát nước thải nội bộ, cụ thể như sau:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh (bố trí trong khuôn viên dự án) được thu gom, xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại 03 ngăn, sau đó theo đường ống PVC D168mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung tại dự án để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động giết mổ được thu gom bằng các rãnh bê tông với kích thước BxH= 0,2x0,2m; BxH= 0,4x0,2m và đường ống BTCT

D300mm dẫn về bể tách phân và lông heo để xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tách phân và lông heo sẽ được chảy tràn sang bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại dự án để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 03 và số 04: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh heo, chuồng trại và khu vực giết mổ được thu gom bằng các rãnh bê tông với kích thước BxH= 0,2x0,2m; BxH= 0,4x0,2m và đường ống BTCT D300mm dẫn về bể tách phân và lông heo để xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tách phân và lông heo sẽ được chảy tràn sang bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại dự án để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ quá trình xả đáy, vệ sinh lò hơi được thu gom theo đường ống PVC D168mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung tại dự án để xử lý.

- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lọc hệ thống xử lý nước cấp lò hơi được thu gom theo đường ống PVC D168mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung tại dự án để xử lý.

Toàn bộ nước thải sau khi được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62:2025/BTNMT, cột A, sẽ được dẫn ra ao chứa nước của dự án bằng ống PVC D200mm, sau đó xả ra nguồn tiếp nhận là sông Bắc Tân với tọa độ vị trí xả thải là X= 1173309; Y= 0577799 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).

## **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ hoạt động giết mổ; vệ sinh heo, chuồng trại và khu vực giết mổ → Bể tách phân và lông heo → Bể thu gom (+ nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 3 ngăn; nước thải xả đáy, vệ sinh lò hơi và nước rửa lọc hệ thống xử lý nước cấp lò hơi) → Bể điều hoà → Bể tuyển nổi DAF → Bể sinh học thiếu khí Anoxic 1 → Bể sinh học hiếu khí Aerotank 1 → Bể sinh học thiếu khí Anoxic 2 → Bể sinh học hiếu khí Aerotank 2 → Bể lắng → Bể MBR → Bể rửa màng MBR → Bể khử trùng → Ao chứa nước → Nguồn tiếp nhận nước thải (sông Bắc Tân).

- Công suất thiết kế: 300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Polymer, Chê phẩm khử mùi, Chất dinh dưỡng, NaOCl, Chlorine.

## **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

## **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại và mạng lưới thu gom, thoát nước thải; Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn; hút hầm bể tự hoại định kỳ.

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra đường ống, công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

- Ngưng hoạt động nếu hệ thống xử lý nước thải không có khả năng xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép. Sau khi khắc phục sự cố, ổn định chất lượng nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải mới tiến hành sản xuất bình thường.

- Nước thải phát sinh tại dự án sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 62:2025/BTNMT, Cột A trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Trong trường hợp xảy ra sự cố liên quan đến hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, Doanh nghiệp phải thông báo và phối hợp với các đơn vị có chức năng đề xử lý nước thải phát sinh và tổ chức các biện pháp khắc phục, đảm bảo chất lượng nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Từ tháng 7/2026 đến tháng 12/2026.

**2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

**2.2.1. Vị trí lấy mẫu:**

+ Vị trí số 01: Tại vị trí hồ thu gom nước thải (đầu vào) của hệ thống xử lý nước thải.

+ Vị trí số 02: Tại vị trí hố ga giám sát nước thải của dự án trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

**2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:** Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Mục 2.2.3 Phần A Phụ lục này.

**2.3. Tần suất lấy mẫu:** Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của Doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu xả ra nguồn tiếp nhận đạt QCVN 62:2025/BTNMT, Cột A - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động dự án trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo hệ thống thu gom xử lý nước mưa, nước thải luôn trong điều kiện vận hành bình thường, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước mưa, nước thải và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.4. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị

định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT- SNNMT ngày 16/01/2026 của  
Sở Nông nghiệp và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- 01 nguồn thải: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sử dụng củi làm nhiên liệu đốt cho lò hơi (công suất tấn 4,0 tấn hơi/giờ).

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- 01 dòng khí thải tương ứng với ống phát thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi, với tọa độ vị trí xả khí thải là: X= 1173274; Y= 0577676 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).

- Vị trí xả khí thải của các hệ thống xử lý bụi, khí thải nằm trong khuôn viên của Doanh nghiệp tư nhân Dương Văn Nghĩa tại Thửa đất số 364 và 648, tờ bản đồ số 11, Hương lộ 16, xã Bình Đức, tỉnh Tây Ninh.

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 3.000 m<sup>3</sup>/giờ.**

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Bụi, khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục theo thời gian hoạt động dự án.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (QCVN 19:2024/BTNMT, cột C), cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	--	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ được sửa đổi, bổ sung tại	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47 Điều 1 Nghị định
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 60		
3	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 400		
4	Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 450		
5	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 450		
6	Amoniac và các	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 25		

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
	hợp chất amoni			khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ	số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ
7	Hydro sunphua, H <sub>2</sub> S	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 8		

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải**

Khí thải lẫn bụi phát sinh tại lò hơi được thu gom bằng đường ống hút có kích thước D300mm với kết cấu từ vật liệu thép CT3 dẫn về hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi để xử lý.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Ống hút + hệ thống ống dẫn → Cyclone → Quạt hút → Ống thải (D= 300mm, H=16m).

- Công suất thiết kế: 3.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hoá chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): Không có.

#### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục**

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

#### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng các hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống xử lý bụi, khí thải; chuẩn bị thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với các hệ thống.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** Từ tháng 7/2026 đến tháng 12/2026.

**2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm**

2.2.1. *Vị trí lấy mẫu:* Tại vị trí ống thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục A Phụ lục này. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

**2.3. Tần suất lấy mẫu:** Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải của Doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, Chủ dự án phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và dừng các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải; chỉ hoạt động lại các công đoạn phát sinh bụi, khí thải khi đã khắc phục xong sự cố. Lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục.

3.5. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày 16/01/2026 của*  
*Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Dây chuyền giết mổ số 1.
- Nguồn số 02: Dây chuyền giết mổ số 2.
- Nguồn số 03: Dây chuyền giết mổ số 3.
- Nguồn số 04: Dây chuyền giết mổ số 4.
- Nguồn số 05: Dây chuyền giết mổ số 5.
- Nguồn số 06: Máy đánh lông.
- Nguồn số 07: Hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 08: Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.
- Nguồn số 09: Khu vực nhập heo.
- Nguồn số 10: Khu vực chuồng nuôi nhốt chờ giết mổ.

**3. Tiếng ồn, độ rung:** Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày	Mức cho phép (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70	-	Khu vực thông thường
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55		

**Ghi chú:** Kể từ ngày 01/01/2027, giá trị giới hạn đối với tiếng ồn phải đáp ứng quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

3.2. Độ rung:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày	Mức cho phép (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
-----	------------------------------	-------------------	----------------------------	---------

1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70	-	Khu vực thông thường
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	60		

**Ghi chú:** Kể từ ngày 01/01/2027, giá trị giới hạn đối với độ rung phải đáp ứng quy định tại QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn.

- Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

- Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

- Đảm bảo mật độ diện tích trồng cây xanh trong khu vực lò mổ đạt tối thiểu 20% tổng diện tích dự án để giảm lan truyền tiếng ồn.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

2.3. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT- SNNMT ngày 16/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

*1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:*

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Gia súc chết (do bệnh)	Rắn	14 02 01	500
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	8
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	20
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	Rắn	17 02 03	70
<b>Tổng cộng</b>				<b>598</b>

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

*1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:*

Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 4.617,06 kg/ngày bao gồm: bao bì, giấy carton đóng gói thành phẩm hư hỏng; giấy vụn phòng thải; huyết ứ, CTR từ quá trình làm lòng; lông, móng; phân từ quá trình nuôi nhốt; tro bụi thải từ hoạt động lò hơi; bùn thải và dầu mỡ thải từ thiết bị tách dầu mỡ,...

*1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:*

Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại lò mổ khối lượng khoảng 10 kg/ngày. Chủ yếu bao gồm rác thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...) rác thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

*1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát (Cần áp dụng ngưỡng chất thải nguy hại (hay ngưỡng nguy hại của chất thải) theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại để phân định là chất thải nguy hại hoặc chất thải rắn công nghiệp thông thường):*

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	50
2	Bao bì nhựa cứng thải (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	80
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu dầu chưa nêu ở các mã khác), giẻ lau, vải vớ vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	40
<b>Tổng cộng</b>				<b>170</b>

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:**

**2.1.1. Kho/khu vực lưu chứa:**

Thiết kế có nền bê tông, có mái che, có gắn biển dấu hiệu cảnh báo, bố trí thiết bị PCCC, xây dựng gờ chống tràn và các thiết bị ứng cứu sự cố tràn đổ: giẻ lau, cát khô, bao tay, ủng, dụng cụ quét và hốt rác tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải kiểm soát.

**2.1.2. Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 15 m<sup>2</sup>.**

**2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

**2.2.1. Kho/khu vực lưu chứa:**

Bố trí các thùng chứa PVC (có nắp đậy) dung tích 120 lít và các bao PP chống thấm. Thiết kế tường bằng tôn, khung thép, nền BTCT, có gắn bảng tên các loại chất thải lưu chứa.

**2.2.2. Diện tích kho/khu vực lưu chứa:** Khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 20 m<sup>2</sup>; Khu vực chứa phân, phế phẩm có diện tích 8m<sup>2</sup> và khu vực chứa bùn thải có diện tích 10m<sup>2</sup>.

**2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

**2.3.1. Kho/khu vực lưu chứa:** Bố trí các thùng nhựa PVC (có nắp đậy) trong khu vực chứa chất thải sinh hoạt có mái che, có gắn biển dấu hiệu.

2.3.2. Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 5m<sup>2</sup>.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại: thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước/khí thải: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước/khí thải; bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của lò mổ, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy./.

## **Phụ lục 5**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT- SNNMT ngày 16/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:** Không có.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

4. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

6. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.

7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. **Chậm nhất là 10 ngày** sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Doanh nghiệp hoặc tại trụ sở UBND cấp xã nơi hoạt động dự án.

9. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để được kiểm

tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải về Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.**

10. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

11. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (*kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12*), gửi báo cáo trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

12. Chủ dự án phải thực hiện thủ tục cấp đổi, điều chỉnh hoặc cấp lại Giấy phép môi trường trước theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ./.